

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **367/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-10-2018

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thanh Thủy.

2. Ông Nguyễn Tấn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phan Thị Kim H, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: 470, tổ 5, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Hoàng Văn P, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: 470, tổ 5, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* anh Phan Trung Q, sinh năm 1988, địa chỉ cư trú: 52, tổ 6, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phan Thị Kim H trình bày:**

- Về hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu hơn 03 năm, chị và anh P tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, thị xã LK, nay thuộc huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/8/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống với mẹ anh P tại địa chỉ 470, tổ 5, ấp T, xã X, huyện T. Vợ chồng chung sống bình thường đến sau khi chị sinh đứa con thứ nhất thì thỉnh thoảng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cũng có xảy tranh cãi nhưng chưa đến mức trầm trọng do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, anh P có quan hệ tình cảm với em dâu của chị. Chị và người thân gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải, anh P nhiều lần xin lỗi nhưng

không sửa chữa, cả hai không còn thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng từ đầu năm 2018 đến nay. Chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng với anh P nên xin được ly hôn anh P.

- Về con chung: có hai con chung là cháu Hoàng Tấn T, sinh ngày 08/7/2002 và cháu Hoàng Tấn Đ, sinh ngày 13/10/2003 hiện do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2018, bị đơn là anh Hoàng Văn P trình bày:*

- Về hôn nhân: anh tìm hiểu chị H hơn hai năm thì tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định như chị H trình bày. Sau khi kết hôn cho đến nay thì vợ chồng anh sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Chị H là người vợ, người mẹ chu toàn với gia đình. Thỉnh thoảng thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn tranh cãi nhưng không đáng kể. Chị H xin ly hôn, anh không đồng ý vì vợ chồng vẫn yêu thương nhau.

- Về nuôi con chung: có hai con chung như chị H trình bày, trường hợp Tòa án cho ly hôn anh xin nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2018, người làm chứng là anh Phan Trung Q trình bày:*

Anh là em ruột của chị Phan Thị Kim H, anh Hoàng Văn P là anh rể của anh. Khoảng hai năm trở lại đây thì anh P có quan hệ tình cảm với vợ của anh, từ đầu năm 2018 thì anh P và vợ anh thuê nhà trọ tại thị xã LK chung sống. Anh đã xin ly hôn vợ anh và được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết xong. Đối với hôn nhân giữa chị H và anh P, theo anh thì mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ được.

** Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày nêu trên.*

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Riêng đối với thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa bảo đảm đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết tranh chấp: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản không đặt ra xem xét; chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Phan Thị Kim H khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Hoàng Văn P có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Hoàng Văn P đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là anh Phan Trung Q nhưng trước đó anh Q đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị H và anh P tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2000, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên chị H xin ly hôn. Xét thời điểm hiện tại Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, việc kết hôn của chị H và anh P thỏa mãn các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này, chị H và anh P cũng không có tranh chấp về tài sản nên Tòa án áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chị H được quyền đơn phương xin ly hôn anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 51.

[2.2] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P theo chị H trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và do anh P có quan hệ tình cảm, chung sống với người phụ nữ khác, từ đầu năm 2018 đến nay, anh P không còn ở nhà vào ban đêm, chỉ ghé về nhà vào ban ngày khi đi làm về để tắm giặt, việc này được anh Phan Trung Q là em ruột chị H. Theo anh P trình bày thì trong quá trình chung sống, vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn tranh cãi nhưng không đáng kể, vợ chồng vẫn yêu thương nhau, không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh P không tìm được biện pháp gì hòa giải, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để đoàn tụ chung sống, đồng thời anh P còn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ theo quy định, hiện cũng không còn sống chung và thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng với chị H. Do vậy, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị H và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho ly hôn giữa chị H và anh P.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh P có hai con chung là cháu Hoàng Tấn T, sinh ngày 08/7/2002 và cháu Hoàng Tấn Đ, sinh ngày 13/10/2003 hiện do chị H nuôi dưỡng. Ly hôn, chị H và anh P đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét nguyện vọng của các bên là chính đáng, tuy nhiên cả hai con chung đã trên 07 tuổi, đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Việc chăm sóc con chung hiện nay chỉ do chị H thực hiện, chị H cũng có công việc và thu nhập ổn định, trong khi anh P thường xuyên không có mặt ở nhà nên giao hai con chung cho chị H trực tiếp

nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng chị H vẫn xác định không yêu cầu nên tạm thời anh P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết anh P và chị H được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về chia tài sản: chị H và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Kim H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Kim H và anh Hoàng Văn P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung là cháu Hoàng Tấn T, sinh ngày 08/7/2002 và cháu Hoàng Tấn Đ, sinh ngày 13/10/2003 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng... Tạm thời anh P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị H và anh P được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 002403 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh P được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Hưng